

**ĐỀ ÁN**

**phát triển tổng thể Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang  
đến năm 2025, tầm nhìn 2035 và những năm tiếp theo**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số: 272  
Ngày 27 tháng 1 năm 2022

**I- CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Quy định số 09-QĐi/TW, ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn;

- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 705/QĐ-TTg, ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030;

- Kết luận số 117-KL/TW, ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư và Kế hoạch số 19/KH-HVCTQG, ngày 17/02/2016 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh "thực hiện Kết luận số 117-KL/TW của Ban Bí thư về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

**2. Căn cứ thực tiễn**

- Quy định số 1850-QĐ/TU, ngày 03/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của Trường Chính trị tỉnh;

- Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 15/4/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Thông báo kết luận số 2321-TB/TU, ngày 09/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở mới Trường Chính trị tỉnh tại xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang;

- Thực trạng về tổ chức và hoạt động của Trường Chính trị tỉnh từ năm 2016 đến 2020 và yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh trong giai đoạn mới.

**3. Thời gian thực hiện và đối tượng nghiên cứu của đề án**

- *Thời gian thực hiện đề án:* Từ năm 2021 đến năm 2025, tầm nhìn 2035 và những năm tiếp theo.

- *Cơ quan thực hiện đề án:* Trường Chính trị tỉnh và các cơ quan có liên quan.

- *Đối tượng nghiên cứu:* Đề án nghiên cứu thực trạng về tổ chức và hoạt động của Trường Chính trị tỉnh, trọng tâm là công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách; công tác nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và hệ thống cơ sở vật chất của Trường. Trên cơ sở đó, đề ra các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển tổng thể Trường Chính trị tỉnh theo hướng chuẩn hóa đến năm 2025, tầm nhìn 2035 và những năm tiếp theo.

## **II- THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **1. Xây dựng quy chế, quy định**

- Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới, ngày 01/4/1995, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 355/QĐ-UB hợp nhất Trường Hành chính và Trường Đảng tỉnh thành Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 1265-QĐ/TU, ngày 06/6/2000 về sáp nhập Trường Dân vận vào Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang. Ngày 31/12/2015, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 86-QĐ/TU về phê duyệt Đề án chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế của Trường và Quy định số 1850-QĐ/TU, ngày 03/6/2019 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế Trường Chính trị tỉnh. Trên cơ sở đó, Trường đã sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự tinh gọn, hoạt động nề nếp, hiệu lực, hiệu quả hơn; nhiều chế độ, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, viên chức, người lao động của Trường được điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

- Giai đoạn 2016-2020, Trường đã chú trọng, tập trung xây dựng và ban hành trên 250 văn bản nội bộ để cụ thể hóa các các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và của tỉnh để làm cơ sở pháp lý thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao<sup>(1)</sup>.

Nhìn chung, hệ thống văn bản nội bộ của Trường được ban hành tương đối kịp thời, đầy đủ, chặt chẽ, sát hợp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và đạt tiêu chí chuẩn mức 1. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định thường xuyên được Đảng ủy và Ban Giám hiệu trường quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và được cán bộ, đảng viên, viên chức của Trường nghiêm túc chấp hành, qua đó kỷ luật, kỷ cương được tăng cường, góp phần giáo dục, ngăn chặn, phòng ngừa cán bộ, đảng viên, viên chức vi phạm. *Tuy nhiên*, năng lực xây dựng và ban hành các quy chế, quy định có mặt còn hạn chế; chưa chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế

<sup>1</sup> Hệ thống các quy chế, quy định nội bộ như: Quy chế làm việc, Quy chế chỉ tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ, Quy chế ứng xử văn hoá, Quy chế phát ngôn báo chí, Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Quy chế chủ nhiệm lớp, Quy chế nghiên cứu khoa học, Quy chế tổ chức và hoạt động công thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Quy chế sử dụng ứng dụng Zalo trong quản lý, điều hành..., Hướng dẫn ra đề thi, coi thi, chấm thi, khoá luận tốt nghiệp, Hướng dẫn học viên đi nghiên cứu thực tế, Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động,... Xây dựng và ban hành nhiều chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường điển hình như: Chiến lược phát triển tổ chức bộ máy, nhân sự; các kế hoạch triển thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn hàng năm...

hoạch phát triển của Trường; cơ chế kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên; nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra có mặt hạn chế.

## 2. Tổ chức bộ máy

- Tổ chức bộ máy của Trường thường xuyên được củng cố, kiện toàn và thực hiện đúng theo Quyết định số 86-QĐ/TU, ngày 31/12/2015 và Quy định số 1850-QĐ/TU, ngày 03/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy<sup>(2)</sup>, tinh gọn, chất lượng hơn so với giai đoạn 2011-2015, đội ngũ viên chức sau khi kiện toàn đã yên tâm công tác, hoạt động có hiệu quả hơn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ Khối các Cơ quan-Doanh nghiệp tỉnh; ban chấp hành đảng bộ có 8 ủy viên (khuyết 01), ban thường vụ đảng ủy có 03 ủy viên; có 05 chi bộ khung trường với 44 đảng viên (*hằng năm có thêm các chi bộ học viên học tập trung với khoảng 100 đảng viên sinh hoạt tạm thời*). Cán bộ, đảng viên của Trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, nắm vững và gương mẫu chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng bộ luôn giữ vững danh hiệu trong sạch vững mạnh.

- Công đoàn cơ sở Trường có 53 công đoàn viên, sinh hoạt tại 05 tổ công đoàn trực thuộc. Công đoàn duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do Học viện, các cụm thi đua và công đoàn cấp trên phát động; bảo vệ quyền lợi, quan tâm đến đời sống của viên chức, người lao động; từng bước xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tạo không khí làm việc dân chủ, kịp thời động viên viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ và tổ chức các hoạt động an sinh xã hội thiết thực, nhân văn.

*Tuy nhiên*, năng lực lãnh đạo, điều hành của một số cán bộ chủ chốt trong Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các chi bộ, phòng, khoa và tổ chức đoàn thể của Trường chưa ngang tầm nhiệm vụ; vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của một số cán bộ, đảng viên, viên chức chưa cao.

## 3. Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức

- Đội ngũ giảng viên, viên chức của Trường luôn được quan tâm xây dựng, nâng lên số lượng và chất lượng, đảm đương tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tính đến tháng 6/2021, Trường có 55/54 biên chế được giao (*trong đó có 43 viên chức và 09 hợp đồng theo Nghị định số 68/NĐ-CP và 03 hợp đồng giao khoán công việc*). Trong số 43 viên chức, có 33 giảng viên chiếm tỷ lệ 76,74% (*dưới 40 tuổi có 09 người, chiếm tỷ lệ 27,27%; từ 40-50 tuổi có 19 người, chiếm tỷ lệ 57,57%; trên 50 tuổi có 05 người, chiếm tỷ lệ 15,15%*). Phần lớn đội ngũ giảng viên của Trường có thâm niên công tác, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy lý luận chính trị và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn<sup>(3)</sup>.

<sup>2</sup> Ban Giám hiệu có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng; 03 khoa gồm: Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Nhà nước và Pháp luật, Khoa Lý luận cơ sở và 02 phòng gồm Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu, với tổng số 55 viên chức và người lao động/54 biên chế được giao.

<sup>3</sup> Dưới 10 năm có 05 giảng viên; 10 năm đến dưới 20 năm có 10 giảng viên; từ 20 năm trở lên có 18 giảng viên.

- Công tác tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ, viên chức của Trường được thực hiện bài bản, hiệu quả. Giai đoạn 2016-2020, Trường đã cử đi đào tạo 05 lượt nghiên cứu sinh, 02 thạc sĩ, 02 cử nhân; 12 cao cấp lý luận chính trị, 03 trung cấp lý luận chính trị-hành chính; cử đi bồi dưỡng 01 chuyên viên cao cấp, 16 chuyên viên chính, 04 chuyên viên và trên 300 lượt cán bộ, viên chức đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, tham dự các lớp bồi dưỡng kiến thức, phương pháp giảng dạy tích cực; thường xuyên tổ chức tốt việc thao giảng, dự giờ, hội thi giảng viên dạy giỏi<sup>4</sup>; một số giảng viên được luân chuyển tham gia giữ các chức vụ chủ chốt ở cơ sở để tích lũy thêm kiến thức thực tiễn... Kết quả đến nay:

+ Về trình độ chuyên môn, có 04 tiến sĩ, chiếm 9,30% so tổng số viên chức (tăng gấp 4 lần so với năm 2016); 29 thạc sĩ, chiếm 67,44% và 10 viên chức có trình độ cử nhân.

+ Về trình độ lý luận chính trị: 28 giảng viên có trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị, chiếm 84,84% so tổng số giảng viên (tăng gấp 1,7 lần so với năm 2016); 02 giảng viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị-hành chính, chiếm 6,06%; 19 giảng viên được bồi dưỡng kiến thức kinh điển về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chiếm tỷ lệ 57,57%. Đa số cán bộ, viên chức sau đào tạo, bồi dưỡng được phân công, bố trí đúng chuyên môn, sở trường, đã phát huy hiệu quả và trưởng thành trong công tác.

+ Về ngạch bậc, có 11 giảng viên chính, chiếm 25,58%, 22 giảng viên, chiếm 51,16% và 10 chuyên viên, chiếm 23,26% so tổng số viên chức.

Đến nay, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức của Trường có 20/28 tiêu chí đạt chuẩn mức 1 và 20/34 tiêu chí đạt chuẩn mức 2 (Điều 7, Điều 13 Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư). Tuy nhiên, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức có mặt còn hạn chế, chưa đồng bộ, giảm dần về số lượng; cán bộ quản lý, cán bộ đầu đàn có trình độ chuyên môn cao còn hạn hẹp (còn 8/28 tiêu chí chưa đạt chuẩn mức 1 và 14/34 tiêu chí chưa đạt chuẩn mức 2); một số giảng viên thiếu phấn đấu học tập nâng cao trình độ. Trình độ, năng lực, lối sống, phong cách làm việc, tính tiêu biểu, gương mẫu và sự lan tỏa nêu gương của một số cán bộ, giảng viên, viên chức còn hạn chế, ảnh hưởng đến uy tín của Trường.

#### **4. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng**

##### **4.1. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng**

Trường đã triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc và chất lượng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng và phân cấp; chủ động cụ thể hóa một số nội dung chương trình, biên soạn tài liệu dạy-học cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương. Qua thực hiện các chương trình và các quy định có liên quan, Trường đã đảm nhiệm được 100% các chuyên đề; năng lực thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên, đảm nhiệm ngày càng nhiều; chất lượng

<sup>4</sup> Hầu hết giảng viên đạt loại giảng viên dạy giỏi cấp khoa, cấp trường; trong số 12 giảng viên đã tham gia các kỳ thi, có 6 giảng viên đạt loại xuất sắc và 06 giảng viên đoạt loại giỏi cấp quốc gia.

các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng tốt các yêu cầu công tác cán bộ của tỉnh và đạt tiêu chí chuẩn mức 1. Ngoài ra, Trường đã chủ động mở rộng nội dung, hình thức và phạm vi đào tạo, bồi dưỡng không chỉ cho cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch mà còn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu, cam kết đảm bảo chất lượng giảng dạy, đạt chuẩn đầu vào, đầu ra, góp phần bảo đảm tiêu chuẩn về lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh.

*Tuy nhiên*, một số bài giảng trong các chương trình chưa sát với thực tế, còn nặng về lý thuyết; việc biên soạn giáo trình, tài liệu học tập còn chậm; các chương trình bồi dưỡng thuộc nhóm kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kỹ năng nghiệp vụ, vị trí việc làm, thực thi công vụ và các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cơ quan khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể còn hạn chế ở một số nội dung, nhất là khâu truyền thụ kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn.

#### **4.2. Quy mô đào tạo, bồi dưỡng**

- Trong những năm qua, với khối lượng, quy mô đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao rất lớn, Trường đã chủ động phối hợp với các ban, sở, ngành, địa phương cụ thể hóa thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; đồng thời liên kết, phối hợp với các Học viện, phân viện, các cơ sở đào tạo mở các loại hình lớp đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- Giai đoạn 2016-2020, Trường đã trực tiếp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng được 415 lớp với 24.812 lượt học viên. Trong đó, đào tạo Chương trình trung cấp lý luận chính trị-hành chính cho 5.526 học viên, chiếm tỷ lệ 22,27%; đào tạo trung cấp chuyên nghiệp 156 học viên, chiếm 0,62%; bồi dưỡng ngạch chuyên viên cho 2.638 học viên, chiếm 10,63%; bồi dưỡng chuyên viên chính cho 909 học viên, chiếm 3,66% và các chương trình bồi dưỡng khác (*bồi dưỡng bí thư, phó bí thư cấp ủy xã, phường; bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, tập huấn mặt trận, đoàn thể,...*) cho 15.583 học viên, chiếm 62,8%. Trung bình hằng năm, Trường đào tạo trung cấp lý luận chính trị-hành chính cho hơn 1.105 học viên, bồi dưỡng gần 3.826 học viên.

- Tổ chức liên kết và phối hợp tốt với các trường đại học, học viện thực hiện nhiều loại hình đào tạo, bồi dưỡng khác nhau cho 1.657 học viên, chiếm 6,26% so tổng số học viên được đào tạo, bồi dưỡng tại Trường. Trong đó, có 01 lớp cao học quản lý hành chính công, với 69 học viên; 08 lớp đại học các chuyên ngành, với 500 học viên; 11 lớp cao cấp lý luận chính trị, với 717 học viên và 05 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở, chuyên viên cao cấp và cập nhật kiến thức đối tượng 3, với 371 học viên. Qua đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường đã góp phần quan trọng vào việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, các ngành trong tỉnh<sup>5</sup>.

<sup>5</sup> Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 đạt chuẩn về trình độ: cấp tỉnh 98,72%; cấp huyện 97,98%; cấp xã 94,25%.

*Tuy nhiên*, việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để chuyển nội dung, chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã; bồi dưỡng cán bộ dự nguồn cấp ủy huyện, thành phố; bồi dưỡng cho cán bộ, công chức khối Đảng, mặt trận và đoàn thể... về Trường để thực hiện còn hạn chế. Nhu cầu liên kết, phối hợp với các trường, học viện tuyến trên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại tỉnh còn rất lớn, nhưng do cơ sở vật chất-kỹ thuật của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu.

#### **4.3. Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng**

Bên cạnh việc mở rộng quy mô đào tạo, bồi dưỡng, Trường thường xuyên áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và đạt tiêu chí chuẩn mức 1. Thông qua việc tổ chức tốt các khâu trong quá trình đào tạo như: xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức chiêu sinh, tuyển sinh, giảng dạy và quản lý; thực hiện nội quy, quy chế phù hợp và chặt chẽ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, gắn liền với coi trọng việc đổi mới nội dung, chương trình, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và sử dụng phương tiện giảng dạy hiện đại, gắn lý luận với liên hệ thực tiễn; đổi mới hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học viên; áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy-học... Phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm, hiệu quả với các huyện ủy, thành ủy và các trung tâm chính trị cấp huyện để tăng cường các biện pháp quản lý học viên mở tại huyện, thành phố theo quy chế quản lý đào tạo, từng bước phát huy tính tự giác, trách nhiệm của học viên. Từ đó, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng không ngừng được nâng lên, giúp cho học viên nắm vững kiến thức lý luận, nâng cao năng lực thực hành, kỹ năng xử lý các tình huống trong lãnh đạo, quản lý điều hành, thực thi công vụ tại địa phương, đơn vị. Đa số học viên phát huy tốt hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng, nhiều đồng chí giữ các cương vị chủ chốt trong hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở.

*Tuy nhiên*, tỷ lệ các lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung còn ít, các lớp vừa làm, vừa học mở tại huyện khá nhiều nên chưa đạt tiêu chí chuẩn mức 1, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ở một số lớp chưa cao; việc giảng dạy gắn lý luận với thực tiễn và hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ còn hạn chế; chưa có nhiều chuyển biến trong áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực; số lượng học viên trên một lớp học thường quá đông, phòng học thiết kế chưa phù hợp gây khó khăn trong việc tổ chức, áp dụng phương pháp dạy học tích cực; thư viện chưa đảm bảo cung cấp giáo trình, tài liệu học tập phong phú, đa dạng cho học viên; công tác phối hợp với các ban ngành, địa phương trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đôi lúc chưa đồng bộ, chặt chẽ.

#### **4.4. Công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng**

Công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng của Trường có nhiều đổi mới theo hướng chặt chẽ, nền nếp, chuyên nghiệp; quán triệt, cụ thể hóa và thực hiện nghiêm các quy chế, quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường các biện pháp siết chặt kỷ cương, kỷ luật; áp dụng có hiệu quả quy trình quản lý chất lượng theo tiêu

chuẩn ISO, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý... Do đó, ý thức chấp hành quy chế, quy định của giảng viên, học viên ngày càng nâng lên. Sĩ số học viên trong các lớp học được duy trì ổn định; công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập của học viên, công tác quản lý giảng viên, kiểm tra, đánh giá chất lượng bài giảng được coi trọng và có nhiều cải tiến; lịch giảng dạy, kết quả học tập được thông báo đầy đủ trên website của Trường, tất cả giảng viên lên lớp đều có kế hoạch bài giảng, giáo án đầy đủ; thường xuyên tổ chức dự giờ, thao giảng và đánh giá chuyên môn đối với các giảng viên.

*Tuy nhiên*, công tác tổ chức lớp học có lúc chưa sát kế hoạch; công tác giảng dạy, quản lý, phục vụ... một số mặt hiệu quả chưa cao. Công tác đánh giá kết quả học tập còn sai sót; công tác thanh tra giáo dục, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, quy chế học viên chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời; công tác giáo vụ còn có mặt hạn chế; hoạt động phối hợp giữa giảng dạy, quản lý và phục vụ có lúc chưa nhịp nhàng, chặt chẽ.

## **5. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách**

### **5.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học**

Xác định công tác nghiên cứu khoa học là một chức năng, nhiệm vụ quan trọng, Trường đã có nhiều đổi mới đi vào chiều sâu, chất lượng và nền nếp; huy động được đông đảo viên chức, giảng viên chủ động, nhiệt huyết tham gia. Giai đoạn 2016-2020, Trường đã thực hiện 02 đề tài khoa học cấp tỉnh, 13 đề tài khoa học cấp cơ sở. Chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các đơn vị tổ chức 09 cuộc hội thảo khoa học cấp tỉnh, với trên 400 tham luận; 04 cuộc hội thảo và 09 cuộc tọa đàm khoa học cấp trường. Riêng năm 2020, tổ chức thành công 02 cuộc hội thảo khoa học cấp tỉnh, xuất bản 01 cuốn sách kỷ yếu hội thảo khoa học có chỉ số ISBN. Trường đã xuất bản 10 số Thông tin Lý luận và Thực tiễn, với 205 bài viết và hàng trăm tin, bài viết của cán bộ, viên chức đăng trên Website của Trường và được độc giả trong, ngoài tỉnh đánh giá cao. Ngoài ra, cán bộ, viên chức của Trường còn viết hơn 25 bài tham luận cho các hội thảo quốc tế, quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh và hơn 38 bài báo khoa học đăng trong các tạp chí khoa học chuyên ngành của Trung ương (có chỉ số ISSN)... Nhìn chung, công tác nghiên cứu khoa học thực hiện đúng quy chế, quy định, góp phần gia tăng tri thức, nâng cao năng lực giảng dạy, công tác của đội ngũ giảng viên; đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; làm sáng rõ thêm nhiều vấn đề khoa học lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở và có 5/9 tiêu chí đạt chuẩn mức 1.

*Tuy nhiên*, công tác nghiên cứu khoa học vẫn còn những hạn chế nhất định. Số lượng đề tài, nhất là cấp tỉnh, cấp bộ chưa nhiều; chất lượng một số đề tài, hàm lượng khoa học chưa cao, tư vấn chính sách còn ít, mới dừng lại ở dạng nghiên cứu, chưa áp dụng vào quá trình quản lý ở địa phương, cơ sở; những sáng kiến, mô hình mới, cách làm hay của cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp chưa được cập nhật kịp thời, còn 4/9 tiêu chí chưa đạt chuẩn mức 1.

## **5.2. Hoạt động nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách**

Hoạt động nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách được Trường quan tâm thực hiện theo quy chế của Học viện và yêu cầu thực tiễn của địa phương. Giai đoạn 2016-2020, Trường đã tổ chức cho giảng viên 45 đợt đi nghiên cứu thực tế trong và ngoài tỉnh; trong đó, có 06 đợt đi nghiên cứu thực tế ngoài tỉnh. Giảng viên đi nghiên cứu thực tế độc lập 120 lượt và viết 20 báo cáo thực tế được thẩm định đạt yêu cầu, được ứng dụng trực tiếp vào công tác nghiên cứu, giảng dạy ở Trường và phục vụ tư vấn chính sách cho các địa phương, cơ sở. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của Trường còn tích cực tham gia các đoàn công tác, dự các hội nghị tổng kết các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, qua đó đã đóng góp những góp ý kiến có giá trị vào các báo cáo tổng kết thực tiễn, xây dựng các văn kiện Đại hội, chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành, các địa phương.

*Tuy nhiên*, hình thức nghiên cứu thực tế mới chỉ dừng lại ở việc nghe báo cáo, trao đổi các vấn đề quan tâm, tham quan mô hình tiêu biểu,... chưa chú trọng đến quá trình xử lý các tình huống trong công tác lãnh đạo, quản lý để áp dụng vào thực tiễn công vụ của cán bộ các cấp. Các nội dung tổng kết thực tiễn được thực hiện qua các đề tài khoa học, đề án hoặc nghiên cứu thực tế chủ yếu phục vụ cho giảng dạy; việc tư vấn chính sách còn nhiều hạn chế. Chưa có nhiều công trình tổng kết thực tiễn có giá trị giúp tư vấn cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác lãnh đạo, điều hành; chưa xây dựng được phương pháp đi sâu nghiên cứu những vấn đề thực tiễn, bức xúc để tổng hợp nhằm tư vấn cho các cấp ủy trong tỉnh.

## **6. Xây dựng văn hóa trường đảng và thực hiện kỷ luật, kỷ cương**

Trường đã tập trung cụ thể hóa Quy chế ứng xử văn hóa trường Đảng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, gắn với giáo dục nâng cao nhận thức về những giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa trường Đảng, ứng xử văn hóa trong cơ quan, cụ thể hóa những giá trị văn hóa vào các hoạt động thường xuyên trên các lĩnh vực công tác. Xây dựng tập thể viên chức, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm, say mê, nhiệt huyết với công việc; giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sáng; gần gũi, trao đổi, lắng nghe ý kiến của viên chức, học viên các lớp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của viên chức, học viên để họ yên tâm công tác, học tập. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát viên chức, người lao động, kiên quyết không để xảy ra sai phạm, tiêu cực trong đơn vị; đến nay đã có 8/8 tiêu chí đạt chuẩn mức 1 và 7/11 tiêu chí đạt chuẩn mức 2.

*Tuy nhiên*, nhận thức của một số viên chức còn hạn chế, làm việc chưa đúng các nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của Trường; chưa tiêu biểu, gương mẫu trong công tác; một vài viên chức ứng xử thiếu chuẩn mực, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong tự phê bình và phê bình chưa cao; còn 4/11 tiêu chí chưa đạt chuẩn mức 2.

## 7. Xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện, kỹ thuật và tài chính

### 7.1. Hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất

Trường được đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, có 4/4 tiêu chí đạt chuẩn mức 1. Đến nay, diện tích xây dựng và khuôn viên Trường với tổng diện tích 20.982,75 m<sup>2</sup>, trong đó có 06 khu nhà (bao gồm: khu nhà làm việc; khu giảng đường; ký túc xá A1; A2; A3; căng tin, nhà để xe). Số lượng học viên tại Trường, bình quân 4.304 lượt học viên/năm (năm 2020); bình quân diện tích đạt 4,88 m<sup>2</sup>/học viên.

- *Khu giảng đường*: Tổng diện tích xây dựng 812,60 m<sup>2</sup>. Thiết kế 1 trệt, 3 lầu, trong đó có 10 phòng học với sức chứa mỗi phòng học từ 60 đến 80 chỗ ngồi và 01 hội trường lớn sức chứa trên 350 chỗ ngồi, 2 phòng máy tính, 3 phòng nghỉ giữa giờ của giảng viên, 01 thư viện, 01 kho sách, 01 kho lưu trữ hồ sơ và 8 khu vệ sinh. Các phòng học, hội trường, thư viện, phòng nghỉ giảng viên đều được trang bị máy điều hòa.

- *Khu ký túc xá, gồm: Khu ký túc xá A1* có tổng diện tích xây dựng là 919,98 m<sup>2</sup>, được thiết kế 1 trệt 2 lầu, trong đó có 48 phòng. *Khu ký túc xá A2* có tổng diện tích xây dựng 919,98 m<sup>2</sup>, được thiết kế 1 trệt 2 lầu, trong đó có 48 phòng. *Khu ký túc xá A3* có tổng diện tích xây dựng 1.272,80 m<sup>2</sup>, được thiết kế 1 trệt 3 lầu, trong đó có 58 phòng ở học viên, 25 phòng khách được trang bị tiện nghi, 02 phòng lưu trữ hồ sơ, 01 phòng làm việc, 05 hội trường (từ 80 đến 120 chỗ ngồi), 03 phòng nghỉ giữa giờ của giảng viên, 01 bếp ăn phục vụ giảng viên tuyến trên được trang bị máy điều hòa và đầy đủ dụng cụ phục vụ.

- *Khu làm việc*: Tổng diện tích xây dựng 541,65 m<sup>2</sup>, được thiết kế 1 trệt, 2 lầu, trong đó có 17 phòng làm việc được bố trí máy điều hòa, bàn, ghế, máy tính, tủ đựng hồ sơ..., 01 phòng họp, 01 phòng máy chủ và 3 khu vệ sinh. Diện tích bình quân đạt 12,60 m<sup>2</sup>/1 viên chức.

- *Căng tin, nhà xe, khuôn viên*: Căng tin tổng diện tích xây dựng 688 m<sup>2</sup>, trong đó, có 01 phòng có máy điều hòa phục vụ giảng viên tuyến trên và khách đến công tác; 01 nhà để xe ô tô của trường sức chứa 03 chiếc, 01 bãi để xe học viên có mái che tiền chế, 01 bãi để xe viên chức Nhà trường có mái che tiền chế. Khuôn viên trường có đường đi nội bộ, 01 sân chơi thể thao bố trí được 2 sân bóng chuyền và một số dụng cụ tập thể dục ngoài trời.

*Tuy nhiên*, cơ sở vật chất của Trường đang bộc lộ những bất cập, cụ thể như: Tổng diện tích sử dụng chưa đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn (*chuẩn mức 2*), khu giảng đường thiết kế chưa phù hợp, số lượng phòng học còn ít, một số phòng thiết kế không đúng quy cách, bàn ghế không đảm bảo, hệ thống âm thanh, máy chiếu chất lượng sử dụng kém. Thư viện, phòng truyền thống diện tích sử dụng nhỏ chưa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, khai thác thông tin phục vụ dạy và học. Ký túc xá đã xuống cấp, hư hỏng, phòng nhỏ, còn bố trí giường tầng, 4-8 học viên/phòng. Khu làm việc bố trí chưa hợp lý, diện tích sử dụng từng phòng còn chật hẹp. Khuôn

viên Trường diện tích nhỏ, chưa có khu sinh hoạt chung, khu thể thao, nhà đa năng, thiếu chỗ để xe, công viên cây xanh chưa đáp ứng yêu cầu.

### **7.2. Phương tiện kỹ thuật phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học**

Trang thiết bị giảng dạy, học tập của Trường được trang bị cơ bản đáp ứng yêu cầu, có 02 phòng học vi tính với 70 máy tính, các phòng học, hội trường đều được trang bị âm thanh, đèn chiếu sáng, tivi, máy chiếu, camera quan sát,...; thư viện được đầu tư gần 4.000 đầu sách và 20 máy tính kết nối internet. Thiết bị, phương tiện làm việc gồm một Tổng đài điện thoại nội bộ, máy tính để bàn được nối mạng thông tin nội bộ và đường truyền Internet tốc độ cao, trang bị phần mềm quản lý đào tạo, thư viện, kế toán, văn thư, các group công vụ; hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo cung cấp thông tin phong phú, kịp thời, hạn chế in ấn, đi lại, gây mất thời gian, tốn kém chi phí.

*Tuy nhiên*, một số trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và làm việc của Nhà trường còn chưa đảm bảo, cũ kỹ, lạc hậu, nhất là phương tiện vận chuyển, máy tính. Hệ thống âm thanh, đèn chiếu sáng, máy chiếu, camera, máy tính, photocopy... phần lớn đã cũ, xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học.

### **7.3. Công tác tài chính**

Trường Chính trị là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, là đơn vị dự toán cấp 1 ngân sách tỉnh và do ngân sách bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên. Hằng năm, kinh phí phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường được cấp theo định mức ngân sách Nhà nước; cân đối thu-chi tài chính tăng hằng năm; năm 2020 tổng thu-chi cân bằng đạt 35.267 triệu đồng. Cơ cấu chi tiêu chủ yếu chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao và được ngân sách Nhà nước bảo đảm 100%. Nhìn chung, công tác quản lý tài chính của Trường được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, quy chế, đáp ứng yêu cầu các hoạt động; thực hiện tốt cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong tổ chức và hoạt động.

*Tuy nhiên*, Trường chưa thực hiện được phân nào về tự chủ tài chính; quản lý đầu tư, mua sắm, sửa chữa, thay thế các trang thiết bị hư hỏng có lúc chưa kịp thời, chặt chẽ.

## **8. Nhận xét, đánh giá chung**

**8.1. Về ưu điểm:** Giai đoạn 2016-2020, các mặt hoạt động của Trường được đổi mới và phát triển; hệ thống quy chế, quy định nội bộ khá đầy đủ, hoàn chỉnh và thường xuyên được sửa đổi, bổ sung phù hợp; tổ chức bộ máy của Trường thường xuyên được quan tâm củng cố, kiện toàn, sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Công tác xây dựng tổ chức Đảng và đoàn thể có nhiều tiến bộ; đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức được quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức được nâng lên; phong cách, lề lối, làm việc từng bước được cải tiến. Quy mô đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại trường

tiếp tục được mở rộng, chất lượng được nâng lên; hình thức, nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cơ bản bám sát mục tiêu và chuẩn đầu ra. Phương pháp giảng dạy từng bước được đổi mới và quản lý đào tạo, bồi dưỡng nghiêm túc, đúng quy định. Công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần bổ sung hệ thống tri thức lý luận, thực tiễn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Xây dựng văn hóa trường Đảng ngày càng chuẩn mực, kỷ luật, kỷ cương được giữ vững. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập, sinh hoạt được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu; công tác thu - chi tài chính thực hiện có hiệu quả, đúng nguyên tắc, quy định; đến nay có 43/56 (*chiếm 76,78%*) tiêu chí đạt chuẩn mức 1 và 33/67 (*chiếm 49,25%*) tiêu chí đạt chuẩn mức 2.

*Nguyên nhân ưu điểm:* Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, có nhiều chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển hệ thống trường chính trị. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thường xuyên hướng dẫn công tác chuyên môn và các mặt hoạt động của Trường. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho Trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Trường đã chủ động cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy chế, quy định tạo bước chuyển biến cơ bản về kỷ cương, nền nếp trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và đẩy mạnh đầu tư phát triển. Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường ngày càng trưởng thành, có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

**8.2. Về hạn chế, khó khăn:** Việc xây dựng quy chế, quy định của Trường thiếu đồng bộ. Đội ngũ viên chức, giảng viên còn thiếu về số lượng, cơ cấu chưa hợp lý. Trình độ, năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học của một số giảng viên và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nội dung chương trình bồi dưỡng chưa chủ động thực hiện. Hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách chưa đi vào chiều sâu, chất lượng sản phẩm khoa học chưa cao. Việc xây dựng văn hóa trường Đảng chưa đạt kết quả mong muốn. Cơ sở vật chất thiếu đồng bộ, lạc hậu, xuống cấp, diện tích sử dụng chưa đạt chuẩn theo quy định. Hiện còn 13/56 (*chiếm 23,22%*) tiêu chí chưa đạt chuẩn mức 1 và 34/67 (*chiếm 50,75%*) tiêu chí chưa đạt chuẩn mức 2.

*\* Nguyên nhân hạn chế:* Sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan có liên quan về hoạt động của Trường chưa thống nhất, chặt chẽ; một số quy chế, quy định, chế độ chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn bất cập, chồng chéo; cải cách hành chính chậm hơn so với yêu cầu. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn rất lớn trong khi cơ sở vật chất và nguồn lực bố trí cho Trường còn khó khăn. Việc củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, viên chức của Trường có lúc chưa kịp thời; năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường có mặt hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ; tình

thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, viên chức chưa cao; cơ sở sở vật chất kỹ thuật của Trường xuống cấp và bộc lộ nhiều bất cập.

### **III- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TỔNG THỂ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN 2035 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

#### **1. Quan điểm đề án**

- Phát triển tổng thể Trường Chính trị là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phát triển tổng thể trường chính trị tỉnh nhằm đạt chuẩn về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách, đáp ứng yêu cầu phát triển tỉnh nhà và bảo đảm đạt các tiêu chí trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư. Lấy nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và năng lực công tác của học viên sau đào tạo, bồi dưỡng làm thước đo sự phát triển.

- Phát triển tổng thể Trường Chính trị theo xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế với cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, đồng bộ, vừa phù hợp với nhu cầu hiện tại và sự phát triển trong tương lai. Xác định những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để ưu tiên đầu tư theo một lộ trình khoa học và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

#### **2. Mục tiêu đề án**

##### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

- Đến năm 2025, đầu tư trụ sở mới theo hướng đồng bộ, hiện đại, chuẩn hóa, xứng tầm là một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn chất lượng cao của tỉnh; phấn đấu đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1 theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư.

- Đến năm 2035, trường trở thành một cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn có chất lượng hàng đầu trong hệ thống trường chính trị tỉnh, thành phố và đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư.

##### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- *Về xây dựng quy chế, quy định:* Tập trung xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định của Trường, bảo đảm đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt hoạt động của Trường.

- *Về xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức:* Tập trung xây dựng Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng và đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1 (giai đoạn 2021-2025) và chuẩn mức 2 (giai đoạn 2026-2030).

- *Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*: Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được giao. Bảo đảm đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Thực hiện nghiêm quy chế, quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đạt loại khá trở lên (giai đoạn 2021-2025) và đạt loại tốt (giai đoạn 2026-2030).

- *Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách*: Tập trung thực hiện đầy đủ và có chất lượng các tiêu chí về nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách đáp ứng các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1 (giai đoạn 2021-2025) và chuẩn mức 2 (giai đoạn 2026-2030).

- *Xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương*: Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các tiêu chí văn hóa ứng xử và mục tiêu phát triển Trường. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị; tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua do cơ quan có thẩm quyền phát động. Nhà trường và các tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả, hằng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- *Xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính*:

+ *Giai đoạn 2021-2025*: Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại và đầu tư xây dựng trụ sở mới tại xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành. Đồng thời, tiến hành sửa chữa, nâng cấp phòng học, hội trường, thư viện, khu làm việc, ký túc xá, đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho cơ sở hiện tại để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học, đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1.

+ *Giai đoạn 2026-2030*: Đầu tư cơ bản hoàn thiện cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật tại cơ sở mới, bảo đảm hiện đại và ứng dụng những công nghệ tiên tiến để phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên, học viên. Tổng diện tích sử dụng và sản phẩm xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại trụ sở mới (*gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thống, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá...*) bảo đảm đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2.

+ *Phấn đấu trước năm 2030*, chuyển dần sang mô hình đơn vị sự nghiệp có thu, bảo đảm tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tự chủ một phần chi thường xuyên<sup>6</sup>.

<sup>6</sup> Quyết định số 705/QĐ-TTg, ngày 07/6/2019 của Thủ tướng chính phủ: Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030.

#### IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

##### 1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế, quy định đáp ứng tiêu chí trường chính trị chuẩn

- Vận dụng thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh đối với Trường Chính trị trên nguyên tắc trách nhiệm gắn với quyền hạn, nghĩa vụ gắn với lợi ích.

- Tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh, nhằm khắc phục trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Thống nhất cấp tỉnh chỉ có 01 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là Trường Chính trị.

- Xây dựng và ban hành quy chế, quy định về phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, địa phương trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và bố trí, sử dụng cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với các quy định hiện hành theo hướng tạo động lực học tập lý chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Điều chỉnh, bổ sung quy định về chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, thu hút và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh theo hướng tự chủ một phần kinh phí.

##### 2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tình hình mới

- Tiếp tục củng cố kiện toàn tổ chức, bộ máy theo Quy định số 09-QĐ/TW, ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư và Quy định số 1850-QĐ/TU, ngày 03/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bảo đảm đủ về số lượng, chuẩn hóa về chất lượng, hợp lý về cơ cấu độ tuổi, giới tính, chuyên ngành; có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và trình độ, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Duy trì cơ cấu cơ cấu 3 độ tuổi và sự kế thừa liên tục trong đội ngũ giảng viên; trong đó dưới 40 tuổi chiếm 30%, từ 40-50 tuổi chiếm 40%, từ 50-62 tuổi chiếm 30%. *Phấn đấu trước năm 2025*, có 100% đội ngũ giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm đạt trình độ từ thạc sĩ trở lên; trong đó, đào tạo hoặc thu hút được ít nhất 02 tiến sĩ đúng chuyên ngành; bảo đảm 100% giảng viên đạt trình độ Trung cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương) trở lên. Giai đoạn 2026-2030, đào tạo hoặc thu hút được 03 tiến sĩ đúng chuyên ngành; giảng viên sau 7 năm giảng dạy tại trường, có trình độ Cao cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương). *Phấn đấu đến năm 2025*, có khoảng 50% đến 60% giảng viên chính, giảng viên cao cấp; Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho khoảng 80% giảng viên trở lên. Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực cho 100% giảng viên.

- Rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của trường; xây dựng kế hoạch đào tạo cơ bản, nhất là đào tạo tiên sĩ, bồi dưỡng thường xuyên; kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên của trường để nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy, nghiên cứu; gắn

với sàng lọc, tuyển chọn cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của trường trong tình hình mới.

- Xây dựng các quy chế phối hợp với các ban, sở, ngành, đoàn thể về cung cấp thông tin, dự các hội nghị triển khai, quán triệt, sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Trung ương, tỉnh và các hội thảo, tọa đàm khoa học để nâng cao thực tiễn công tác.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, quy định trách nhiệm đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại trường.

### **3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

#### **3.1. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo trung cấp lý luận chính trị**

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo trung cấp lý luận chính trị theo hướng trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống, cập nhật kịp thời tri thức mới; hình thành kỹ năng vận dụng tốt vào thực tiễn công tác và có tư tưởng đúng đắn, thái độ, hành vi tích cực. Trên cơ sở hoàn thiện cơ sở vật chất, tăng tỷ lệ đào tạo hệ tập trung, giảm dần hệ vừa làm vừa học. Tổ chức tốt các lớp tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh.

Giai đoạn 2021-2025, đào tạo từ 5.000 học viên chương trình trung cấp lý luận chính trị trở lên. Trong đó, hệ tập trung khoảng 1.700 học viên và hệ vừa học, vừa làm khoảng 3.300 học viên<sup>7</sup>. Từ năm 2026 trở đi, thực hiện đào tạo đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị của tỉnh có trình độ trung cấp lý luận chính trị theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy-học theo hướng “*Học viên là trung tâm, Nhà trường là nền tảng, Giảng viên là động lực*”. Từ năm 2022 có 100% giảng viên sử dụng nhuần nhuyễn phương pháp giảng dạy tích cực, rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn trong công tác.

- Tiếp tục áp dụng bộ tiêu chí đo lường, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá chuẩn đầu ra, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015. Công khai thông báo kết quả học tập, rèn luyện của học viên về cơ quan, đơn vị quản lý và cử học viên đi học.

#### **3.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng cán bộ**

- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở bám sát khung chương trình, tài liệu do Học viện Chính trị quốc gia Hồ

<sup>7</sup> Theo Báo cáo số 105/BC-SNV, ngày 19/8/2020 của Sở Nội vụ về Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND, ngày 20/7/2017 và Nghị quyết số 119/2018 ngày 1/8/2018 của HĐND tỉnh về Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo, tính đến ngày 30/6/2020, toàn tỉnh Kiên Giang có tổng số 35.144 cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, có 2.316 cán bộ, công chức; 29.723 viên chức và 3.105 cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn. Kết quả cử cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020 là 5.526 người, chiếm tỷ lệ 15,72%, cho thấy tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên còn thấp, dự kiến nguồn học viên còn rất lớn. Đây là cơ sở để Đề án xác định mục tiêu đào tạo trung cấp lý luận chính trị đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Chí Minh, Bộ Nội vụ và các đơn vị có liên quan biên soạn, phê duyệt; có điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn của địa phương với phương châm: Cơ bản, khoa học, sát với thực tiễn, tăng cường kỹ năng, tính chuyên sâu cao, phù hợp với từng chức danh, vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

- *Tổ chức các lớp bồi dưỡng theo chức danh và ngạch công chức*

+ *Bồi dưỡng cán bộ dự nguồn cấp huyện* (nhiệm kỳ 2025-2030) khoảng 750 đến 900 học viên.

+ *Bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp xã, cấp huyện và tương đương*: Giai đoạn 2021-2025 khoảng 500 đến 600 học viên; từ năm 2026 trở đi đảm bảo 100% chức danh thuộc đối tượng này theo quy định.

+ *Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương*: Giai đoạn 2021-2025 khoảng 900 đến 1.000 học viên; từ năm 2026 trở đi đảm 100% chức danh thuộc đối tượng này theo quy định.

+ *Bồi dưỡng công chức cấp xã*: Giai đoạn 2021-2025 khoảng 840 đến 1.000 học viên; từ năm 2026 trở đi bảo đảm 100% chức danh này theo quy định.

+ *Bồi dưỡng theo ngạch*: *Ngạch chuyên viên*, giai đoạn 2021-2025 khoảng 2500 đến 2.800 học viên; từ năm 2026 trở đi theo nhu cầu thực tế hằng năm của tỉnh. *Ngạch chuyên viên chính*, giai đoạn 2021-2025 khoảng 900 đến 1.000 học viên<sup>(8)</sup>; từ năm 2026 trở đi theo nhu cầu thực tế hằng năm của tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các ban, sở ngành, huyện, thành phố tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật nội dung các chủ trương, nghị quyết của Đảng; cập nhật, nâng cao trình độ lý luận chính trị; cập nhật kiến thức pháp luật, văn hóa công sở, đạo đức công vụ, nghề nghiệp, hội nhập quốc tế. Phối hợp với các huyện ủy, thành ủy mở các lớp bồi dưỡng cán bộ dự nguồn ban chấp hành đảng bộ và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, nhiệm kỳ 2025-2030; bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên trung tâm chính trị các huyện, thành phố.

+ *Tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ, công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội*: khoảng 800 đến 1000 học viên/năm.

+ *Tổ chức bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 4*: Giai đoạn 2021-2025, hằng năm có khoảng 1.200 đến 1350 học viên; từ năm 2026 trở đi bảo đảm số lượng theo quy định của Trung ương.

+ *Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên cấp huyện<sup>(9)</sup> và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thành phố* nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031.

<sup>8</sup> Giai đoạn 2016-2020 số lượt học viên được cử đi học ngạch chuyên viên chính là 909/35.144 người, chiếm 2,58% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh. Tỷ lệ này còn rất thấp, vì vậy, giai đoạn 2021-2025 trở đi, nhu cầu bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính trong tỉnh sẽ còn rất lớn.

<sup>9</sup> Đội ngũ báo cáo viên triển khai bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

### **3.3. Tăng cường công tác liên kết với các trường, học viện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh**

- Tích cực, chủ động liên kết với các học viện, cơ sở đào tạo có uy tín trong nước để mở lớp đào tạo sau đại học, đại học; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở; ngạch chuyên viên cao cấp, thông qua đó học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, áp dụng có hiệu quả trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh.

+ *Tổ chức liên kết, phối hợp mở lớp đào tạo cao học, đại học*: Giai đoạn 2021-2025 từ 2-3 lớp đào tạo Cao học các chuyên ngành, khoảng 150 học viên; giai đoạn 2026-2030 mở từ 4-5 lớp, khoảng 200 học viên. Giai đoạn 2021-2025, đào tạo 3-4 lớp cử nhân, khoảng 240-320 học viên; giai đoạn 2026-2030 đào tạo đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

+ *Tổ chức bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở*: Giai đoạn 2021-2025, khoảng 180 học viên; từ năm 2026 trở đi theo nhu cầu thực tế hằng năm của tỉnh.

+ *Tổ chức bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp*: Giai đoạn 2021-2025, khoảng 180 học viên; từ năm 2026 trở đi theo nhu cầu thực tế hằng năm của tỉnh.

- Phối hợp với Học viện Trung tâm và các Học viện khu vực mở các lớp cao cấp lý luận chính trị, dự nguồn cấp ủy tỉnh, bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho đối tượng 3 tại trường.

+ *Tổ chức liên kết, phối hợp đào tạo Cao cấp lý luận chính trị* cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Giai đoạn 2021-2025 khoảng 700 học viên. Giai đoạn 2026-2030, có khoảng 900 học viên.

+ *Tổ chức bồi dưỡng cán bộ dự nguồn cấp tỉnh* (nhiệm kỳ 2025-2030) cho khoảng 100 đến 120 học viên.

+ *Tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối tượng 3*: Giai đoạn 2021-2025, có khoảng 360 đến 400 học viên. Từ năm 2026 trở đi, bồi dưỡng đảm bảo số lượng theo quy định của Trung ương.

- Phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm, hiệu quả với các Học viện và các cơ sở đào tạo khác để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh.

### **3.4. Đổi mới công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

- Xây dựng và ban hành các quy định cụ thể hóa về chuẩn đầu vào, đầu ra của học viên thuộc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Trường.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban ngành, địa phương điều tra, khảo sát, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho từng giai đoạn, từng năm, đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai mô hình quản trị thông minh; đẩy nhanh chuyển đổi số trong công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nâng cấp các phần mềm quản lý đáp ứng yêu cầu quản lý đào tạo, bồi dưỡng của trường.

- Tổ chức tốt các hội thi, thao giảng, dự giờ để trao đổi chuyên môn, bổ sung kiến thức và hoàn thiện phương pháp sư phạm; tổ chức đánh giá giảng viên về nội dung, phương pháp, kỹ năng để nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Đổi mới việc tổ chức đi nghiên cứu thực tế của học viên bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

#### **4. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách**

- Tích cực và chủ động đề xuất, đăng ký các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp cơ sở; tập trung nghiên cứu các vấn đề phục vụ cho công tác giảng dạy, tư vấn chính sách; triển khai nghị quyết đại hội Đảng các cấp, về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh. Ứng dụng có hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học vào thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương, 15 đề tài khoa học cấp cơ sở hoặc tương đương trở lên. Giai đoạn 2026-2030, thực hiện 05 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.

- Hình thành mô hình hợp tác giữa trường chính trị tỉnh với các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện và trường chính trị tỉnh bạn...để tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tạo cơ sở cho việc tư vấn chính sách cho tỉnh.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tổng kết thực tiễn theo hướng chủ động, thiết thực, hiệu quả; tích cực tham gia vào các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và tham gia tư vấn xây dựng các chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trên các lĩnh vực.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng các hội thảo khoa học, tọa đàm có kỷ yếu chỉ số ISBN do Trường thực hiện. Giai đoạn 2021-2025, tổ chức 03 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh, 15 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm cấp trường. Giai đoạn 2026-2030, tổ chức 01 cuộc hội thảo khoa học cấp bộ hoặc cấp quốc gia; 05 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh. Từ năm 2023, số lượng các bài viết của cán bộ, giảng viên được công bố trên các tạp chí nằm trong danh mục các tạp chí uy tín, các báo, hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học của tỉnh trở lên từ 30 bài/năm. Trong đó, mỗi giảng viên phải có ít nhất 01 bài/năm.

- Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị. Trong 5 năm xuất bản 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng Thông tin Lý luận và Thực tiễn, đến năm 2022 nâng số lượng xuất bản lên 03 kỳ/năm và đến năm 2026 nâng lên 04 kỳ/năm. Nâng cấp Website của Trường đáp ứng nhu cầu thông tin, nghiên cứu, giảng dạy, quản lý, học tập của giảng viên và học viên theo hướng phục vụ có hiệu

quả trong việc truy cập thông tin về đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động chuyên môn khác được nhanh chóng, chính xác.

- Phát động phong trào nghiên cứu khoa học, viết chính luận, đọc, học tập sách lý luận chính trị trong học viên và cán bộ, viên chức của trường.

### **5. Xây dựng văn hóa trường Đảng**

- Xây dựng và ban hành đầy đủ bộ tiêu chí văn hóa ứng xử trường Đảng, theo đó mỗi cán bộ, viên chức của Trường phải nghiêm túc chấp hành và nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, chuẩn mực trong ứng xử.

- Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, tận tụy, trách nhiệm với công việc và đề cao tính mô phạm, sự nêu gương trong công tác, giảng dạy và sinh hoạt của đội ngũ Nhà giáo.

- Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; phong trào “*dạy tốt-học tốt-quản lý tốt*”, tham gia đầy đủ, tích cực, có hiệu quả thiết thực các phong trào thi đua do cơ quan có thẩm quyền phát động.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định về phát ngôn, văn hóa ứng xử và thực hiện quy chế dân chủ, giữ gìn đoàn kết nội bộ.

### **6. Tiếp tục hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, tiến hành đầu tư xây dựng trụ sở mới và bảo đảm công tác tài chính**

#### **6.1. Giai đoạn 2021-2025**

- Tập trung sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp để duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất hiện tại như khu làm việc, khu giảng đường, khu ký túc xá, thư viện, khuôn viên cây xanh, đường nội bộ để đạt diện tích sử dụng theo tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1. Sắp xếp lại thư viện, phòng đọc và số hóa, quản lý bằng phần mềm điện tử để phục vụ học tập, nghiên cứu. Rà soát, đánh giá hiện trạng trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác, dạy và học, bảo đảm khai thác sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Sửa chữa, thay thế thiết bị 2 phòng máy tính phục vụ công tác học tập, thi cử; tiếp tục sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, nước, đường truyền Internet tốc độ cao, phòng hội nghị trực tuyến; đảm bảo 02 xe ô tô (7 chỗ, 12 chỗ) để phục vụ đưa rước giảng viên tuyển trên và công tác của Nhà trường.

- Tiến hành đấu giá cơ sở Trường Chính trị hiện nay (số 84 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc) và thủ tục ứng nguồn vốn ngân sách để đầu tư xây dựng trụ sở mới tại xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành. Năm 2023, hoàn thành Quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế công trình trụ sở mới, bảo đảm các tiêu chuẩn về xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật đáp ứng trường chính trị chuẩn mức 2. Hoàn tất hồ sơ dự án đầu tư xây dựng trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hoàn thiện cơ chế thu chi và phân phối lợi ích, phân bổ các nguồn lực theo nguyên tắc công khai, minh bạch. Chủ động xây dựng và triển khai lộ trình chuyển

dẫn sang mô hình đơn vị sự nghiệp có thu và tự chủ được một phần kinh phí hoạt động (*tiền lương của cán bộ, giảng viên, nhân viên vẫn do ngân sách Nhà nước cấp*) theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản điều chỉnh vấn đề này.

## **6.2. Giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo**

Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh trụ sở mới đáp ứng tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2 theo quy định, gồm các hạng mục:

- *Khu giảng đường*: gồm phòng học, hội trường, phòng hội thảo, phòng nghỉ giảng viên, thư viện, phòng truyền thống,... được bố trí khoa học, thiết kế hiện đại, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tiên tiến phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng tiêu chí trường chính trị chuẩn.

- *Khu làm việc*: gồm các phòng làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng, khoa, phòng khách, phòng họp, phòng hội thảo, phòng họp trực tuyến... được bố trí không gian hợp lý, khoa học, trang bị đầy đủ phương tiện, kỹ thuật hiện đại, đảm bảo khai thác tối ưu các công năng, đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công việc.

- *Khu ký túc xá*: gồm nhà khách, nhà ở học viên, bố trí mỗi phòng không quá 03 người, yêu cầu có không gian thoáng mát, môi trường cảnh quan đẹp, trang bị đầy đủ thiết bị sinh hoạt thiết yếu đảm bảo nhu cầu nghỉ ngơi, nghiên cứu của học viên và khách.

- *Khuôn viên trường*: diện tích rộng rãi, đầu tư đường nội bộ, trồng cây xanh, vườn hoa khuôn viên đẹp, bố trí khu chơi thể thao, nhà đa năng, bãi đậu xe, khu sinh hoạt tập thể, căng tin,...

## **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phân công thực hiện đề án**

**1.1.** Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Thường trực Tỉnh ủy có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án này.

### **1.2. Trường Chính trị tỉnh**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện đề án cho từng giai đoạn cụ thể trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt trước khi triển khai. Thường xuyên báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về tiến độ, kết quả thực hiện đề án và đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc hoặc điều chỉnh, bổ sung đề án cho phù hợp với tình hình thực tế. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đề án và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng trình các cơ quan chức năng thẩm định và chuẩn bị chu đáo các điều kiện để mở lớp; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cử cán bộ tham gia giảng dạy.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp trong xây dựng chương trình mở lớp đào tạo, bồi dưỡng; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc phối hợp triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên trong xây dựng và phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, 2026-2030, 2031-2035 và những năm tiếp theo.

- Chủ động đổi mới, tập trung thực hiện có hiệu quả những công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Trường.

- Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư và chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong xây dựng trụ sở mới.

### **1.3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy**

- Chủ trì, phối hợp với Trường Chính trị và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các sở ngành, địa phương trong tỉnh thống nhất phương án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ hằng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng tập trung về một đầu mối.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, nghiên cứu, rà soát hệ thống chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và học viên, đề xuất Tỉnh ủy, Trung ương sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung biên chế theo Đề án vị trí việc làm của Trường Chính trị.

- Phối hợp với Trường Chính trị tham mưu xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên về các ban, sở ngành, địa phương, cơ sở để rèn luyện năng lực lãnh đạo, quản lý, nâng cao kiến thức thực tiễn.

- Phối hợp với Trường Chính trị, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quy định và lập kế hoạch sử dụng đội ngũ báo cáo viên, giảng viên thỉnh giảng cho Trường Chính trị gồm các đồng chí lãnh đạo, quản lý các ban, sở, ngành, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Trường Chính trị và các đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh hằng năm trình Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### **1.4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Chỉ đạo Sở Nội vụ tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh đúng thời gian quy định; cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đúng thành phần; xây dựng tiêu chuẩn các chức danh cán bộ, công chức, viên chức các cấp theo quy định và phù hợp với điều kiện của tỉnh; rà soát, thống kê, tổng hợp trình độ, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2021-2025, 2026-2030, 2030-2035. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu điều chỉnh, bổ sung quy định về chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, thu hút và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Trường Chính trị tổ

chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và liên kết đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của Trường, chỉ phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác khi Trường Chính trị không đảm nhiệm được.

- Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phân bổ nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật, sửa chữa, cải tạo trụ sở hiện tại để phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn trước mắt, và nguồn vốn đầu tư xây dựng trụ sở mới tại xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giai đoạn tiếp theo.

- Chỉ đạo Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hằng năm kịp thời cho các địa phương, đơn vị; cấp phát kinh phí cho Trường Chính trị tỉnh để triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các trang thiết bị phục vụ dạy học và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; đồng thời, hướng dẫn, kiểm tra, quyết toán sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

### ***1.5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy***

- Hướng dẫn và định hướng tư tưởng trong các nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức tại Trường Chính trị.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch mở các lớp hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ báo cáo viên, giảng viên trung tâm chính trị cấp huyện và lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo chức danh khối Đảng, Mặt trận, các đoàn thể chính trị-xã hội.

- Phối hợp với Trường Chính trị trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, tổ chức hội thảo, tọa đàm về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, Đảng bộ địa phương, chủ trương, nghị quyết về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

### ***1.6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội cấp tỉnh***

Tổ chức thẩm định chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thuộc lĩnh vực mình phụ trách và phối hợp với Trường Chính trị tỉnh lập kế hoạch bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và những năm tiếp theo.

### ***1.7. Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy***

Phối hợp với Trường Chính trị làm tốt công tác chiêu sinh hệ trung cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng theo chức danh và theo ngạch. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tại địa phương.

## **2. Kinh phí thực hiện đề án**

### ***2.1. Bảo đảm kinh phí thực hiện đề án***

- Căn cứ các quy định hiện hành và tình hình triển khai Đề án, Trường Chính trị phối hợp với các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện.

- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo cân đối, bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện đề án đạt hiệu quả.

## **2.2. Kinh phí triển khai xây dựng trụ sở mới Trường Chính trị**

Kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở mới Trường Chính trị (tại xã Vĩnh Hòa Hiệp) lấy từ nguồn đầu giá bán trụ sở hiện nay (84 Lạc Hồng). Trong quá trình xây dựng trụ sở mới, ngân sách Nhà nước cấp tỉnh bố trí cho ứng theo quy định để xây dựng các hạng mục của trường và khi hoàn thành mới bàn giao trụ sở hiện tại. *Chức*

### **Nơi nhận:**

- Ban Tuyên giáo Trung ương (b/c);
- Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (b/c);
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- Các ban của Tỉnh ủy;
- UBMTTQ, các đoàn thể chính trị-xã hội cấp tỉnh, Trường Chính trị;
- Các sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Kế hoạch-Đầu tư, Tài nguyên-Môi trường, UBND huyện Châu Thành;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



**Mai Văn Huỳnh**

**PHỤ LỤC 1**  
**thực trạng chất lượng của đội ngũ viên chức, giảng viên**

---

Đơn vị tính: Người

| Năm    | Tổng số | Trình độ chuyên môn |         |         | Trình độ lý luận chính trị |         | Trình độ ngoại ngữ cơ sở trở lên |
|--------|---------|---------------------|---------|---------|----------------------------|---------|----------------------------------|
|        |         | Cử nhân             | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Trung cấp                  | Cao cấp |                                  |
| 2016   | 54      | 24                  | 29      | 01      | 06                         | 17      | 54                               |
| Tỷ lệ% | 100     | 44,44               | 53,70   | 1,85    | 11,11                      | 31,48   | 100                              |
| 2020   | 43      | 10                  | 29      | 04      | 09                         | 29      | 43                               |
| Tỷ lệ% | 100     | 23,25               | 67,44   | 9,30    | 20,93                      | 67,44   | 100                              |

(Nguồn: Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu)

**PHỤ LỤC 2**  
**Chương trình đào tạo, bồi dưỡng**

| Stt        | Chương trình đào tạo, bồi dưỡng              | Cơ sở đào tạo                |
|------------|----------------------------------------------|------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>CAO HỌC, ĐẠI HỌC</b>                      |                              |
| 01         | Cao học Quản lý công                         | Học viện HCQG                |
| 02         | Cử nhân Triết học                            | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 03         | Đại học quản lý Kinh tế                      | Đại học Kinh tế TP.HCM       |
| 04         | Đại học Kinh tế-Chính trị                    | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 05         | Đại học Báo chí                              | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 06         | Đại học Quản lý Xã hội                       | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 07         | Đại học Tôn giáo                             | Đại học KHXXHNH HN           |
| 08         | Đại học Quản lý Công tác Tư tưởng-văn hóa    | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 09         | Đại học Xây dựng Đảng                        | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 10         | Đại học Khoa học quản lý nhà nước            | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 11         | Đại học Chính trị chuyên ngành CS công       | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 12         | Đại học Chính trị chuyên ngành CT phát triển | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 13         | Đại học CTH chuyên ngành khoa học QLNN       | Học viện BC&TT Hà Nội        |
| 14         | Đại học Quản lý nhà nước                     | Trường ĐH Bộ Nội vụ          |
| 15         | Đại học Luật                                 | Trường ĐH Luật Hà Nội        |
| 16         | Đại học Luật                                 | Trường ĐH Luật TP. HCM       |
| 17         | Đại học Hành chính                           | Học viện HCQG                |
| <b>II</b>  | <b>CAO CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ</b>             |                              |
| 01         | Cao cấp LLCT hệ không tập trung              | Học viện chính trị khu vực 4 |
| 02         | Cao cấp LLCT hệ tập trung                    | Học viện chính trị khu vực 4 |
| 03         | Cao cấp LLCT hệ Hoàn chỉnh                   | Học viện chính trị khu vực 4 |
| <b>III</b> | <b>CÁC LỚP TRUNG CẤP</b>                     |                              |
| 01         | Trung học LLCT hệ tập trung                  | Trường Chính trị             |
| 02         | Trung học LLCT hệ không tập trung            | Trường Chính trị             |
| 03         | Trung cấp LLCT hệ hoàn chỉnh                 | Trường Chính trị             |
| 04         | Trung cấp Hành chính                         | Trường Chính trị             |
| 05         | Trung cấp Luật                               | Trường Chính trị             |
| 06         | Trung cấp Thanh vận                          | Phân viện TTN TP. HCM        |
| 07         | Trung cấp Phụ vận                            | Phân viện Phụ nữ TP. HCM     |

|           |                                                                                                       |                                                    |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>IV</b> | <b>CÁC LỚP BỒI DƯỠNG - TẬP HUẤN</b>                                                                   |                                                    |
| 01        | Bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp                                                                   | Học viện HCQG                                      |
| 02        | Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên chính                                                                     | Trường Chính trị                                   |
| 03        | Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên                                                                           | Trường Chính trị                                   |
| 04        | Bồi dưỡng ngạch cán sự                                                                                | Trường Chính trị                                   |
| 05        | Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp Sở                                                                     | Học viện HCQG                                      |
| 06        | Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp Phòng                                                                  | Trường Chính trị                                   |
| 07        | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cán bộ lãnh đạo, quản lý đối tượng 3                                     | Học viện chính trị khu vực II, khu vực IV          |
| 08        | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cán bộ lãnh đạo, quản lý đối tượng 4                                     | Trường Chính trị                                   |
| 09        | Bồi dưỡng nghiệp vụ phương pháp sư phạm                                                               | Học viện BC&TT Hà Nội                              |
| 10        | Các lớp Bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã theo QĐ 1956 của Thủ tướng Chính phủ | Trường Chính trị phối hợp với Sở Nội vụ            |
| 11        | Các lớp Tập huấn, Bồi dưỡng khối MTTQ, DV, PN, ND, CCB, CTĐ, Tgiáo                                    | Trường Chính trị phối hợp với MTTQ và các đoàn thể |
| 12        | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng.                                                   | Trường Chính trị phối hợp với BTC Tỉnh ủy          |
| 13        | Tập huấn nghiệp vụ Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng                        | Trường Chính trị phối hợp với MTTQ tỉnh            |
| 14        | Bồi dưỡng cấp ủy cơ sở cho chức danh bí thư cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn                         | Trường Chính trị phối hợp với BTC Tỉnh ủy          |
| 15        | Bồi dưỡng Đại biểu HĐND cấp huyện và cấp xã                                                           | Trường Chính trị phối hợp với Sở Nội vụ            |
| 16        | Tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho cấp ủy cơ sở                                       | Trường Chính trị phối hợp với UBKT Tỉnh ủy         |
| 17        | Tin học chuẩn CNTT cơ bản                                                                             | Trường Chính trị                                   |

**PHỤ LỤC 3**  
bảng thống kê số lượng học viên theo học các chương trình  
đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2016-2020

*Đơn vị tính: học viên*

| Năm    | Tổng số học viên | Số lượng học viên theo học các chương trình |                      |                    |                   |                |
|--------|------------------|---------------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------|
|        |                  | Đào tạo Trung cấp LLCT-HC                   | Đào tạo Trung cấp CN | Bồi dưỡng (19.596) |                   |                |
|        |                  |                                             |                      | Chuyên viên        | Chuyên viên chính | Bồi dưỡng khác |
| 2016   | 6.688            | 1.265                                       | 102                  | 367                | 195               | 4.759          |
| 2017   | 4.883            | 1.203                                       | 54                   | 438                | 209               | 2.979          |
| 2018   | 5.912            | 1.202                                       | -                    | 585                | 172               | 3.953          |
| 2019   | 3.804            | 904                                         | -                    | 628                | 172               | 2.100          |
| 2020   | 3.525            | 952                                         | -                    | 620                | 161               | 1.792          |
| T.cộng | 24.812           | 5.526                                       | 156                  | 2.638              | 909               | 15.583         |

*(Nguồn: Phòng QLĐT và NCKH Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang)*

**PHỤ LỤC 4**  
bảng thống kê số lượng học viên các lớp liên kết và phối hợp  
tổ chức với các trường, học viện mở tại Trường  
Chính trị tỉnh Kiên Giang

*Đơn vị tính: học viên*

| Năm    | Cao học | Đại học | Cao cấp lý luận chính trị | Bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở, chuyên viên cao cấp và đối tượng 3 | Tổng cộng |
|--------|---------|---------|---------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|
| 2016   | 69      | 138     | 136                       | 94                                                            | 437       |
| 2017   | -       | 151     | 140                       | 182                                                           | 473       |
| 2018   | -       | 155     | 140                       | -                                                             | 295       |
| 2019   | -       | -       | 229                       | 52                                                            | 281       |
| 2020   | -       | 56      | 72                        | 43                                                            | 171       |
| T.cộng | 69      | 500     | 717                       | 371                                                           | 1.657     |

*(Nguồn: Phòng QLĐT và NCKH Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang)*

**PHỤ LỤC 5**  
**hoạt động nghiên cứu khoa học của trường từ năm 2016 - 2020**

---

**1. Đề tài nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế; Hội thảo, tọa đàm**

| Năm                  | Đề tài KH<br>cấp tỉnh | Đề tài KH<br>cấp cơ sở | Đề tài<br>nghiên cứu<br>thực tế | Hội thảo<br>cấp tỉnh | Hội thảo<br>cấp trường | Tọa đàm<br>Cấp trường |
|----------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
| 2016                 | 1                     | 5                      | 4                               | 2                    | 1                      | 2                     |
| 2017                 | 1                     | 3                      | 4                               | 2                    | 1                      | 1                     |
| 2018                 |                       | 2                      | 4                               | 2                    | 1                      | 1                     |
| 2019                 |                       |                        | 3                               | 1                    | 1                      | 2                     |
| 2020                 |                       | 3                      | 3                               | 2                    |                        | 3                     |
| <b>Tổng<br/>cộng</b> | <b>02</b>             | <b>13</b>              | <b>18</b>                       | <b>9</b>             | <b>4</b>               | <b>9</b>              |

**2. Xuất bản thông tin Lý luận và thực tiễn**

| Năm  | Số /năm | Số lượng phát<br>hành | Số bài 2 số | Ghi chú |
|------|---------|-----------------------|-------------|---------|
| 2016 | 2 số    | 170 cuốn/1 số         | 43 bài      |         |
| 2017 | 2 số    | 170 cuốn/1 số         | 37 bài      |         |
| 2018 | 2 số    | 300 cuốn/1 số         | 47 bài      |         |
| 2019 | 2 số    | 170 cuốn/1 số         | 38 bài      |         |
| 2020 | 2 số    | 170 cuốn/ 1 số        | 40 bài      |         |

**PHỤ LỤC 6**  
**số lượng bài báo của cán bộ, viên chức đăng trên**  
**báo Trung ương và địa phương**

| Năm  | Trung ương | Địa phương | Ghi chú |
|------|------------|------------|---------|
| 2016 | 10         | 05         |         |
| 2017 | 07         | 04         |         |
| 2018 | 16         | 08         |         |
| 2019 | 03         | 02         |         |
| 2020 | 02         | 03         |         |

**PHỤ LỤC 7**  
**giảng viên dạy giỏi toàn quốc 2016-2020**

| TT | HỌ TÊN              | KHOA        | DANH HIỆU | NĂM  |
|----|---------------------|-------------|-----------|------|
| 1  | Lê Thị Kim Quyên    | Khoa LLM-LN | GVDGTQ    | 2017 |
| 2  | Trần Linh Hương     | Khoa NN-PL  | GVDGTQ    | 2017 |
| 3  | Lê Thị Ứng          | Khoa XDĐ    | GVDGTQ    | 2020 |
| 4  | Phan Thị Thanh Thảo | Khoa NN&PL  | GVDGTQ    | 2020 |

**PHỤ LỤC 8**  
**tình hình sử dụng kinh phí giai đoạn 2016 - 2020**

*(Đơn vị tính: triệu đồng)*

| TT | NỘI DUNG                       | Năm<br>2016 | Năm<br>2017 | Năm<br>2018 | Năm<br>2019 | Năm<br>2020 |
|----|--------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| A  | Tổng thu                       | 39.948      | 39.019      | 24.690      | 34.387      | 35.267      |
| 1  | Kinh phí tự chủ                | 4.628       | 7.554       | 7.669       | 6.851       | 6.767       |
| 2  | Kinh phí không giao tự chủ     | 35.320      | 31.465      | 17.021      | 27.536      | 28.500      |
| B  | Tổng chi                       | 26.588      | 28.594      | 24.275      | 29.710      | 35.267      |
| 1  | Chi từ nguồn tự chủ            | 4.628       | 7.554       | 7.669       | 6.851       | 6.767       |
| 2  | Chi từ nguồn không giao tự chủ | 21.960      | 21.040      | 16.606      | 22.859      | 28.500      |

*(Nguồn: Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu)*

**PHỤ LỤC 9**  
**so sánh số chỉ tiêu hiện trạng hoạt động của Trường Chính trị tỉnh**  
**và một số chỉ tiêu đề ra trong đề án**

|                                                                                                  | <i>Giai đoạn<br/>2016-2020</i> | <i>Giai đoạn<br/>2021-2025</i> | <i>Giai đoạn<br/>2026-2035</i>      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| <b>I. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (ĐVT: học viên)</b>                                    | 24.812                         | >26.600                        | Đào tạo, bồi dưỡng yêu cầu của tỉnh |
| 1. Trung cấp lý luận chính trị                                                                   | 5.526                          | > 5.000                        | Đáp ứng yêu cầu thực tế của tỉnh    |
| 2. Chuyên viên                                                                                   | 2.638                          | > 2.800                        | Đáp ứng yêu cầu thực tế của tỉnh    |
| 3. Chuyên viên chính                                                                             | 909                            | > 1.000                        | Đáp ứng yêu cầu thực tế của tỉnh    |
| 4. Bồi dưỡng khác                                                                                | 15.583                         | > 16.000                       | Đáp ứng yêu cầu thực tế của tỉnh    |
| 5. Liên kết đào tạo                                                                              | 1.657                          | > 1.750                        | > 1.800                             |
| <b>II. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn</b>                                     |                                |                                |                                     |
| 1. Đề tài khoa học cấp tỉnh (ĐVT: đề tài)                                                        | 02                             | > 03                           | > 05                                |
| 2. Đề tài khoa học cấp cơ sở (ĐVT: đề tài)                                                       | 13                             | > 15                           | > 15                                |
| 3. Hội thảo khoa học cấp tỉnh (ĐVT: cuộc)                                                        | 09                             | > 05                           | > 05                                |
| 4. Tọa đàm khoa học cấp trường (ĐVT: cuộc)                                                       | 13                             | >15                            | >15                                 |
| 5. Xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo hoặc ký yếu hội thảo khoa học có chỉ số ISBN (ĐVT: cuốn) | 01                             | 05                             | > 05                                |
| 6. Xuất bản Thông tin Lý luận và thực tiễn (ĐVT: số)                                             | 10                             | 15                             | 20                                  |
| 7. Bài viết đăng ký yếu hội thảo được xuất bản, tạp chí khoa học có chỉ số ISSN (ĐVT: bài)       | 38                             | > 150                          | > 150                               |
| 8. Hội thảo khoa học cấp bộ (ĐVT: cuộc)                                                          | 0                              | 01                             | > 01                                |

|                                                                       | <i>Giai đoạn<br/>2016-2020</i> | <i>Giai đoạn<br/>2021-2025</i> | <i>Giai đoạn<br/>2026-2035</i> |
|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| <b>III. Xây dựng đội ngũ giảng viên</b>                               |                                |                                |                                |
| 1. Tiến sĩ (ĐVT: người)                                               | 04 (12,12%)                    | > 06                           | > 09                           |
| 2. Thạc sĩ (ĐVT: người)                                               | 26 (78,78%)                    | 100%                           | 100%                           |
| 3. Trung cấp lý luận chính trị trở lên (ĐVT: giảng viên)              | 30 (90,9%)                     | 100%                           | 100%                           |
| 4. Cao cấp lý luận chính trị sau 7 năm giảng dạy (ĐVT: giảng viên)    | 29 (87,87%)                    | 100% giảng viên                | 100% giảng viên                |
| 5. Giảng viên chính, giảng viên cao cấp (ĐVT: người)                  | 11 (33,33%)                    | 50%-60% giảng viên             | 80% giảng viên                 |
| 6. Bồi dưỡng kinh điển (ĐVT: người)                                   | 19 (57,57%)                    | 80% giảng viên                 | 100% giảng viên                |
| <b>IV. Xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính</b> |                                |                                |                                |
| 1. Tổng diện tích xây dựng (ĐVT: m <sup>2</sup> )                     | 20.982,75                      | 20.982,75                      | > 30.000                       |
| 2. Kinh phí hoạt động                                                 | 100% ngân sách cấp             | Tự chủ 1 phần                  | Tự chủ 1 phần                  |

**PHỤ LỤC 10**

**BẢNG THÔNG KÊ RÀ SOÁT TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN**

*(ban hành kèm theo Công văn số 739 -CV/HVCTQG, ngày 08/7/2021*

*Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

| CHUẨN MỨC1 |                                               |                 |                      |           | CHUẨN MỨC2                                                                                                                                                                                                                                                |    |                                               |                 |                      |           |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------|-----------------------------------------------|-----------------|----------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------------------------------|-----------------|----------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TT         | Tên tiêu chí                                  | Chỉ tiêu cụ thể | Đánh giá chuẩn mức 1 |           | Ghi chú (ghi cụ thể hiện trạng của trường hiện nay đối với từng tiêu chí. Riêng đối với các tiêu chí đạt ghi rõ mức độ đạt hiện nay. Trường hợp không đạt ghi cụ thể hiện trạng và dự kiến thời gian đạt được theo tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1) | TT | Tên tiêu chí                                  | Chỉ tiêu cụ thể | Đánh giá chuẩn mức 2 |           | Ghi chú (ghi cụ thể hiện trạng của trường hiện nay đối với từng tiêu chí. Riêng đối với các tiêu chí đạt ghi rõ mức độ đạt hiện nay. Trường hợp không đạt ghi cụ thể hiện trạng và dự kiến thời gian đạt được theo tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2) |
|            |                                               |                 | Đạt                  | Không đạt |                                                                                                                                                                                                                                                           |    |                                               |                 | Đạt                  | Không đạt |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1          | Thể chế, quy định (Điều 6, Quy định 11-QĐ/TW) |                 |                      |           |                                                                                                                                                                                                                                                           | 1  | Thể chế, quy định (Điều 6, Quy định 11-QĐ/TW) |                 |                      |           |                                                                                                                                                                                                                                                           |

|                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                 |           |                             |                                                                                                                                                                                                          |  |   |                                                       |     |  |   |                                                                                                 |           |                                        |                                        |                                      |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-------------------------------------------------------|-----|--|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|
| 1               | Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                                                                                                                                               |                                                                                                 |           | 1                           | Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt |  |   |                                                       |     |  |   |                                                                                                 |           |                                        |                                        |                                      |
| II              | Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Điều 13 Quy định 11-QĐ/TW)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                 |           | II                          | Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Điều 13 Quy định 11-QĐ/TW)                                                                                                                                            |  |   |                                                       |     |  |   |                                                                                                 |           |                                        |                                        |                                      |
| 1               | Bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                 |           | 1                           | Bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm                                                                                                                                                            |  |   |                                                       |     |  |   |                                                                                                 |           |                                        |                                        |                                      |
| 2               | <table><tr><td>Lãnh đạo trưởng</td><td>1</td><td>Trình độ chuyên môn tiến sĩ</td><td>Đạt</td></tr><tr><td></td><td>2</td><td>Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)</td><td>Đạt</td></tr><tr><td></td><td>3</td><td>Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước ngạch cao cấp)</td><td>Không đạt</td></tr></table> | Lãnh đạo trưởng                                                                                 | 1         | Trình độ chuyên môn tiến sĩ | Đạt                                                                                                                                                                                                      |  | 2 | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương) | Đạt |  | 3 | Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước ngạch cao cấp) | Không đạt | BGH trưởng hiện 01 tiến sĩ, 01 thạc sĩ | BGH trưởng hiện 01 tiến sĩ, 01 thạc sĩ | BGH trưởng có 01 tiến sĩ, 01 thạc sĩ |
| Lãnh đạo trưởng | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Trình độ chuyên môn tiến sĩ                                                                     | Đạt       |                             |                                                                                                                                                                                                          |  |   |                                                       |     |  |   |                                                                                                 |           |                                        |                                        |                                      |
|                 | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)                                           | Đạt       |                             |                                                                                                                                                                                                          |  |   |                                                       |     |  |   |                                                                                                 |           |                                        |                                        |                                      |
|                 | 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước ngạch cao cấp) | Không đạt |                             |                                                                                                                                                                                                          |  |   |                                                       |     |  |   |                                                                                                 |           |                                        |                                        |                                      |

|   |               |   |                                                                                                    |           |           |                                                                                     |
|---|---------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|   |               | 4 | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm | Đạt       |           | 02 D/C BGH có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực |
|   |               | 5 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM                                 | Đạt       |           | 02/02 có CC bồi dưỡng kiến thức kinh điển                                           |
|   |               | 6 | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành nhiệm vụ trở lên                                               | Đạt       |           | D/C Phó hiệu trưởng phụ trách 05 hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ     |
|   |               | 1 | Trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên                                                             | Đạt       |           | 06 D/C lãnh đạo khoa đều có trình độ thạc sĩ                                        |
| 3 | Lãnh đạo khoa | 2 | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)                                              | Đạt       |           | 06 D/C lãnh đạo khoa đều có trình độ CCLCT-HC, hoặc CCLCT                           |
|   |               | 3 | Giữ ngạch chính hoặc tương                                                                         | Không đạt |           | 05 D/C lãnh đạo khoa là GVC, 01                                                     |
|   |               | 3 |                                                                                                    |           |           |                                                                                     |
|   |               | 4 | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm | Đạt       |           |                                                                                     |
|   |               | 5 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển, Mác-Lênin, tư tưởng HCM                                | Đạt       |           | 02/02 có CC bồi dưỡng kiến thức kinh điển                                           |
|   |               | 6 | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành nhiệm vụ tốt trở lên                                           | Đạt       |           |                                                                                     |
|   |               | 7 | Xây dựng mô hình điển hình                                                                         | Đạt       |           |                                                                                     |
|   | Lãnh đạo khoa | 1 | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trong đó 50% số lãnh đạo khoa trình độ chuyên môn là TS |           | Không đạt | 06/06 lãnh đạo khoa có trình độ thạc sĩ                                             |
|   |               | 2 | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị                                                                 | Đạt       |           | 06/06 lãnh đạo khoa có trình                                                        |

|   |                                                                                                    | đương trở lên |  | đồng chí là GV                                                                                                      |           |  |  |  | (hoặc đương)                                                                                    | tương |           | độ cao cấp Lý luận chính trị                                                                |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm | Đạt           |  | 06 Đ/C lãnh đạo khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực                       |           |  |  |  | Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước ngạch cao cấp) |       | Không đạt | 05/06 lãnh đạo khoa giữ ngạch viên chính, 01/06 giữ ngạch viên                              |
| 5 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM                                 |               |  | 02 Đ/C lãnh đạo khoa có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng HCM, 03 Đ/C chưa có chứng chỉ | Không đạt |  |  |  | Đạt                                                                                             |       |           |                                                                                             |
| 6 | Đề xuất từ 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên                                                   |               |  |                                                                                                                     | Không đạt |  |  |  | Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển, Mác-Lênin, tư tưởng HCM                                |       | Không đạt | 02/05 có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng HCM; 03/05 chưa học. |
| 7 | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành nhiệm vụ tốt                                                   | Đạt           |  |                                                                                                                     |           |  |  |  | Đề xuất từ 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên                                                |       | Không đạt |                                                                                             |

|                |                                                          |     |           |                                                                                             |    |                                                                                                                      |     |                                                                                |                                     |
|----------------|----------------------------------------------------------|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 4              |                                                          |     |           |                                                                                             |    |                                                                                                                      |     |                                                                                |                                     |
| Lãnh đạo phòng |                                                          |     |           |                                                                                             |    |                                                                                                                      |     |                                                                                |                                     |
| 1              | Trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên                   |     | Không đạt | Lãnh đạo phòng hiện có 01 tiến sĩ, 04 thạc sĩ, 01 cử nhân                                   |    |                                                                                                                      |     |                                                                                |                                     |
| 2              | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị                       | Đạt |           | 06/06 D/C lãnh đạo cấp phòng có trình độ CCLCT-HC, hoặc CCLCT                               | 8  | Dề xuất ít nhất 01 đề tài khoa học cấp tỉnh                                                                          |     | Không đạt                                                                      |                                     |
| 3              | Giữ ngạch chính hoặc tương đương trở lên                 |     | Không đạt | 04/06 D/C lãnh đạo cấp phòng giữ ngạch chính, 02/06 D/C giữ ngạch giảng viên và chuyên viên | 9  | Khoa đảm nhận được các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ                                          | Đạt |                                                                                |                                     |
| 4              | Tham mưu, tổ chức đề án, dự án                           | Đạt |           |                                                                                             | 10 | Xây dựng mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được công nhận |     | Không đạt                                                                      |                                     |
| 5              | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt |           |                                                                                             | 4  | Lãnh đạo phòng                                                                                                       | 1   | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trong đó tương đương hoặc phó tương | 01/06 TS,<br>04/06 ThS,<br>01/06 CN |

5

|   |                                                                      |     |           |                                                                |   |                                                                                                        |                                                                                     |                                                                                                                      |           |  |
|---|----------------------------------------------------------------------|-----|-----------|----------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|   |                                                                      |     |           |                                                                |   |                                                                                                        |                                                                                     |                                                                                                                      |           |  |
|   |                                                                      |     |           |                                                                |   |                                                                                                        |                                                                                     |                                                                                                                      |           |  |
| 5 | 100% có nghiệp vụ sư phạm                                            | Đạt |           |                                                                | 5 |                                                                                                        | 6                                                                                   | Xây dựng mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được công nhận | Không đạt |  |
| 6 | ít nhất 80% có chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM |     | Không đạt | 15/33 có chứng chỉ, 18/33 chưa học.                            |   | Giảng viên (tính tất cả những người giữ ngạch giảng viên kế cả lãnh đạo trường, phòng phó khoa, phòng) | 1                                                                                   | Đội ngũ giảng viên cơ hữu đạt tỉ lệ ít nhất 80%                                                                      | Không đạt |  |
| 7 | ít nhất 60% giữ ngạch GVC                                            |     | Không đạt | 11/33 giữ ngạch GVC (33,33%), 22/33 giữ ngạch GV (66,67%)      |   | 2                                                                                                      | 100% giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trở lên                                      | Không đạt                                                                                                            |           |  |
| 8 | 100% áp dụng phương pháp dạy học tích cực                            | Đạt |           | 100% giảng viên trường đã áp dụng phương pháp dạy học tích cực |   | 3                                                                                                      | Mỗi khoa có ít nhất 01 tiến sĩ (không kể lãnh đạo khoa                              | Không đạt                                                                                                            |           |  |
| 9 | 100% hoàn thành nhiệm vụ                                             | Đạt |           | 100% giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ                        |   | 4                                                                                                      | 100% giảng viên dạy lý luận chính trị có trình độ lý luận trung cấp lý luận trở lên | Đạt                                                                                                                  |           |  |

[illegible]

|   |                                                                                                       |     |           |                                     |    |                                                                                                 |     |           |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|-------------------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|--|
| 2 | Ít nhất 03 đề tài cấp tỉnh trở lên (hoặc 03 đề tài khoa học công nghệ)                                |     | Không đạt |                                     | 1  | Thực hiện đầy đủ, hiệu quả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao                                | Đạt |           |  |
| 3 | Từ 03 hội thảo, tọa đàm cấp trường                                                                    | Đạt |           |                                     | 2  | Thực hiện đúng, đủ các chương trình được giao                                                   | Đạt |           |  |
| 4 | Từ 03 hội thảo, tọa đàm từ cấp tỉnh trở lên                                                           | Đạt |           |                                     | 3  | Ít nhất 1/2 số lớp Trung cấp LLCT hệ tập trung                                                  |     | Không đạt |  |
| 5 | Kết quả nghiên cứu được chuyên giao                                                                   |     |           |                                     | 4  | Thực hiện nghiêm quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quyết định khác về đào tạo bồi dưỡng | Đạt |           |  |
| 6 | Báo cáo kiến nghị từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên |     | Không đạt |                                     | 5  | Kết quả đánh giá chất lượng DTBD từ mức tốt trở lên                                             |     | Không đạt |  |
| 7 | Xuất bản ít nhất 05 cuốn sách                                                                         |     | Không đạt |                                     | IV | Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Điều 9, Điều 15, Quy định 11-QĐ/TW)          |     |           |  |
| 8 | Xuất bản ít nhất 03 số báo tin/năm trở lên                                                            |     | Không đạt | Hiện tại xuất bản 02 số TTLL-TT/năm | 1  | Ít nhất 03 đề tài cấp trường                                                                    | Đạt |           |  |
| 9 | Xây dựng và cập nhật trang thông tin điện tử của trường                                               | Đạt |           |                                     | 2  | Ít nhất 05 đề tài cấp tỉnh trở lên (hoặc 05 đề tài khoa học công nghệ)                          |     | Không đạt |  |
| V | Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 10, Quy định 11-QĐ/TW)                |     |           |                                     | 3  | Từ 03 hội thảo, tọa đàm cấp trường                                                              | Đạt |           |  |

|    |                                                                                |     |  |  |  |    |                                                                                                                        |     |           |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|-----|--|--|--|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|--|
| 1  | Xây dựng tiêu chí văn hoá ứng xử                                               | Đạt |  |  |  | 4  | Từ 03 hội thảo, tọa đàm từ cấp tỉnh trở lên                                                                            | Đạt |           |  |
| 2  | Thực hiện tốt học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh                  | Đạt |  |  |  | 5  | Ít nhất 01 hội thảo khoa học cấp Bộ                                                                                    |     | Không đạt |  |
| 3  | 100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng    | Đạt |  |  |  | 6  | Kết quả nghiên cứu được chuyển giao                                                                                    |     | Không đạt |  |
| 4  | Không có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên                                | Đạt |  |  |  | 7  | Báo cáo kiến nghị từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp tỉnh trở lên                                                        |     | Không đạt |  |
| 5  | Tổ chức đảng, đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên                         | Đạt |  |  |  | 8  | Xuất bản ít nhất 05 cuốn sách/05 năm                                                                                   |     | Không đạt |  |
| 6  | Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên                                         | Đạt |  |  |  | 9  | Xuất bản ít nhất 04 số báo tin/năm                                                                                     |     | Không đạt |  |
| 7  | Thực hiện tốt quy chế dân chủ                                                  | Đạt |  |  |  | 10 | Xây dựng và cập nhật trang thông tin điện tử của trường, có kết nối với trang thông tin điện tử của tỉnh và Trung ương | Đạt |           |  |
| 8  | Tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua                               | Đạt |  |  |  | V  | Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 10, Điều 16, Quy định 11-QĐ/TW)                        |     |           |  |
| VI | Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính (Điều 11, Quy định 11-QĐ/TW) |     |  |  |  | I  | Xây dựng tiêu chí văn hoá ứng xử                                                                                       | Đạt |           |  |

|                                                       |                                                                                    |                       |       |                                                      |    |                                                                                                                                                      |     |           |  |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------|------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|--|
| 1                                                     | Dù cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ học tập                                         | Đạt                   |       |                                                      | 2  | Có tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc được khen thưởng cấp tỉnh và tương đương trong thực hiện văn hóa công sở, văn hóa trường Đảng                 |     | Không đạt |  |
| 2                                                     | Bảo đảm chất lượng giảng dạy                                                       | Đạt                   |       |                                                      | 3  | Tham gia có chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua                                                                                                  | Đạt |           |  |
| 3                                                     | Diện tích sử dụng từ 20000 m <sup>2</sup>                                          | Đạt                   |       | Diện tích của trường hiện tại là 20900m <sup>2</sup> | 4  | Xây dựng mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được các cấp có thẩm quyền công nhận |     | Không đạt |  |
| 4                                                     | Tài chính đúng quy định, công khai, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hoạt động | Đạt                   |       |                                                      | 5  | Thực hiện tốt học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh                                                                                        | Đạt |           |  |
| Tự đánh giá mức độ đạt chuẩn mức 1 Tổng tiêu chí (56) | 1                                                                                  | Đã đạt                | 43    |                                                      | 6  | 100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng                                                                          | Đạt |           |  |
|                                                       | 2                                                                                  | Chiếm %               | 76.78 |                                                      | 7  | Không có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên                                                                                                      | Đạt |           |  |
|                                                       | 3                                                                                  | Dự kiến năm đạt chuẩn | 2025  |                                                      | 8  | Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên                                                                    |     | Không đạt |  |
|                                                       |                                                                                    |                       |       |                                                      | 9  | Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên                                                                                                          |     | Không đạt |  |
|                                                       |                                                                                    |                       |       |                                                      | 10 | Thực hiện tốt quy chế dân chủ                                                                                                                        | Đạt |           |  |

